

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Xuân Tri.

Hội thẩm nhân dân:

Ông: Dương Văn Thanh.

Bà: Zơ Râm Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Bà: Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Thị Đ. Tên gọi khác do bị cáo tự khai là N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1968 tại Thôn 10, xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký thường trú và cư trú tại Tổ 1, thôn T3, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nguyên làm nghề buôn bán nhỏ, lẻ tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng K (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có chồng nhưng đã ly hôn và 01 con đã trưởng thành; tiền án không có, tiền sự không có; nhân thân chưa có án tích và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 9 năm 2017. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông: Lương Đình Nam, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông: Trần Ngọc Đ, sinh năm 1974, nơi cư trú tại thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại nhà của bị cáo Đặng Thị Đ, thuộc địa bàn Tổ 1, thôn T3, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam, Tổ công tác của Đội điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam kiểm tra phát hiện trong túi áo của ông Trần Ngọc Đ đang mặc có 01 (một) gói nhỏ bên trong có chất màu trắng. Ông Đ khai đó là gói ma túy vừa mới mua của bị cáo Đặng Thị Đ giá tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Kiểm tra túi quần phải trước của bị cáo Đặng Thị Đ đang mặc có tờ tiền mệnh giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra (sau đây viết tắt là CSĐT) công an huyện Nam Giang tiến hành khám xét nhà của bị cáo Đặng Thị Đ thì phát hiện trong ngăn giữa của tủ tường đặt tại phòng khách có 01 (một) gói bên trong có các cục chất rắn màu trắng. Cơ quan CSĐT công an huyện Nam Giang tạm giữ gói chất màu trắng của ông Đ và gói chất rắn màu trắng của bị cáo Đặng Thị Đ; số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; ngoài ra Cơ quan CSĐT công an huyện Nam Giang còn tạm giữ của bị cáo Đặng Thị Đ 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Mobistar đã qua sử dụng.

Kết quả điều tra bị cáo Đặng Thị Đ khai nhận, tại chợ thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam, bị cáo có mua của một người đàn ông không rõ lai lịch 01 (một) gói ma túy giá tiền là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng và bị cáo phân ma túy ra thành nhiều gói nhỏ đem giấu trong ngăn tủ tường phòng khách nhà bị cáo để bán lại cho người nghiện. Vào khoảng 09 giờ 00 ngày 14 tháng 9 năm 2017, ông Trần Ngọc Đ đến nhà bị cáo để hỏi mua ma túy, bị cáo hẹn ông Đ đến 11 giờ cùng ngày mới có. Đến giờ, ông Đ quay lại thì bị cáo lấy ma túy từ ngăn tủ bán cho ông Đ 01 (một) gói giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Lúc ông Đ bỏ gói ma túy vào túi áo đang mặc thì bị Tổ công tác của công an huyện Nam Giang phát hiện bắt giữ và Tổ công tác cũng thu giữ trên người bị cáo số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là tiền bị cáo vừa bán ma túy cho ông Đ. Ngoài ra, bị cáo Đặng Thị Đ còn khai trước đó khoảng 01 (một) tháng, bị cáo có bán cho ông Đ 01 (một) gói ma túy giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và còn có bán cho hai người đàn ông không rõ lai lịch mỗi người 01 (một) gói ma túy giá mỗi gói là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Kết quả giám định số 712/C54C(Đ4) ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Phân viện Khoa học hình sự (sau đây viết tắt là KHHS) tại Đà Nẵng kết luận: Gói chất màu trắng (dạng cục, bột) thu giữ của ông Trần Ngọc Đ có trọng lượng 0,010gam là loại Heroin, hàm lượng Heroin là 53,18%; gói chất màu trắng (dạng cục, bột) thu giữ của bị cáo Đặng Thị Đ có trọng lượng 0,025gam là loại Heroin, hàm lượng Heroin là 32,04% (mẫu vật đã phân tích hết trong quá trình giám định).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có nhiều lần bán ma túy cho người khác và có 02 (hai) lần bán ma túy trái phép cho ông Trần Ngọc Đ, trong đó có 01 (một) lần vào ngày 14 tháng 9 năm 2017, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Đặng Thị Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác

định lại hành vi của bị cáo Đặng Thị Đ có 02 (hai) lần bán ma túy trái phép cho ông Trần Ngọc Đ, trong đó bị cáo tự thú 01 (một) lần và 01 (một) lần bị bắt vào ngày 14 tháng 9 năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Thị Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại tiền bán ma túy cho ông Đ; bị cáo là con của liệt sĩ; hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, neo đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; đồng thời áp dụng Điều 54 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung. Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 46 và Điều 47 của BLHS năm 2015, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng xác định được do bán trái phép chất ma túy cho ông Trần Ngọc Đ mà có.

Trợ giúp viên pháp lý Lương Đình Nam bào chữa cho bị cáo thống nhất cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên về hành vi phạm tội của bị cáo; điểm, khoản; tội danh; điều luật; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; loại hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo; đồng thời người bào chữa phân tích thêm nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, hoàn cảnh bị cáo ly hôn chồng và phải sống một mình nuôi con ăn học, thu nhập bấp bênh, nên dễ bị lôi kéo, phạm tội có tính nhỏ, lẻ, hiện tại bị cáo bị đau khớp và mắc bệnh phụ nữ, gia đình bị cáo có cha, mẹ là người có công với cách mạng nên đề nghị chiếu cố giảm nhẹ mức hình phạt và xét miễn nộp án phí hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo không bào chữa thêm và lời nói sau cùng của bị cáo chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin được nộp lại số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng do bán ma túy trái phép cho ông Trần Ngọc Đ mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT công an huyện Nam Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến thống nhất cáo trạng và luận tội của đại diện VKSND; đồng thời phân tích thêm một số nội dung về nguyên nhân phạm tội, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, là phù hợp với quyền, nghĩa vụ của người bào chữa theo quy định tại Điều 73 của BLTTHS; Trợ giúp viên pháp lý và bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng theo Điều 3 Luật phòng chống ma túy năm 2000 được bổ sung năm 2008 nghiêm cấm các hành vi trái phép về chất ma túy và theo Nghị Định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ Heroin là chất ma túy nằm trong Danh mục I, có tên khoa học là Diacetylmorphin,

tuyệt đối cấm sử dụng trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, vì muốn có tiền lời, bị cáo Đặng Thị Đ đã mua ma túy trái phép rồi phân ra thành nhiều gói nhỏ nhằm mục đích bán cho người nghiện và ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại cổng nhà của bị cáo, thuộc địa bàn Tổ 1, thôn T3, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam, ông Trần Ngọc Đ bị Tổ công tác của Đội điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam kiểm tra phát hiện trong túi áo của ông Đ đang mặc có 01 (một) gói nhỏ bên trong có chất màu trắng. Ông Đ khai gói chất màu trắng là ma túy vừa mới mua của bị cáo giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và sau đó bị cáo thừa nhận đó là gói ma túy bị cáo bán cho ông Đ cũng như số tiền thu giữ trên người của bị cáo là tiền bán ma túy cho ông Đức; đồng thời bị cáo tự thú trước đó khoảng 01 (một) tháng, bị cáo có bán cho ông Trần Ngọc Đ 01 (một) gói ma túy giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Như vậy, bị cáo Đặng Thị Đ có hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho người khác. Theo Kết luận giám định số 712/C54C(Đ4) ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Phân viện KHHS tại Đà Nẵng gói chất màu trắng (dạng cục, bột) thu giữ của ông Trần Ngọc Đ có trọng lượng 0,010gam là loại Heroin, hàm lượng Heroin là 53,18%; gói chất màu trắng (dạng cục, bột) thu giữ của bị cáo Đặng Thị Đ có trọng lượng 0,025gam là loại Heroin, hàm lượng Heroin là 32,04%. Do đó, bị cáo Đặng Thị Đ phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 2015 như cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thì ma túy là chất độc gây nghiện nên nhà nước độc quyền quản lý. Bị cáo Đặng Thị Đ đã có hành vi 02 (hai) lần bán trái phép chất ma túy cho ông Trần Ngọc Đ.

[4] Xét hành vi của bị cáo là liều lĩnh và rất nghiêm trọng. Bị cáo biết nhà nước nghiêm cấm ma túy nhưng vì mục đích kiếm lời và ý thức xem thường pháp luật mà bị cáo vẫn mua ma túy để bán trái phép cho người khác. Hành vi của bị cáo đã vi phạm điều cấm của nhà nước, không làm tròn trách nhiệm công dân, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về chất gây nghiện và gây mất trật tự xã hội, trong lúc các cơ quan truyền thông tuyên truyền về tác hại của ma túy và nhà nước có các giải pháp đấu tranh quyết liệt với tệ nạn ma túy nhưng diễn biến của loại tội phạm này rất phức tạp.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo nhân thân tốt, thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo tự thú hành vi bán trái phép chất ma túy; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nhận thấy hành vi sai phạm của mình do nhận thức còn hạn chế và tự nguyện nộp lại 200.000 (hai trăm nghìn) đồng do phạm tội bán ma túy mà có; bị cáo là con của liệt sĩ; ngoài ra gia đình bị cáo có khó khăn, hiện tại bị cáo trong hoàn cảnh neo đơn lại đang bị đau khớp và mắc bệnh phụ nữ, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng được Ủy ban nhân dân nơi thường trú xác nhận. Do đó, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 như đề nghị của Kiểm sát viên và phát biểu thống nhất của người bào chữa.

[6] Xét tính chất, hậu quả của hành vi, Hội đồng xét xử thấy rằng phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội;

đồng thời xét nhân thân và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 2015 là phù hợp với diễn biến vụ án và tình hình đấu tranh đối với loại tội này, như đề nghị của Kiểm sát viên và phát biểu của người bào chữa; đồng thời tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án phạt tù.

[7] Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của BLHS năm 2015 thì “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì tại nơi cư trú bị cáo đang sở hữu 01 (một) ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m² được nhà nước cho theo chế độ 167 và được xây dựng trên 01 (một) mảnh đất diện tích khoảng 150m², ngoài ra bị cáo không có tài sản gì có giá trị, bị cáo là người lao động tự do, buôn bán nhỏ, lẻ, vừa mới thoát nghèo, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn chung tại địa bàn miền núi, bị cáo không có chồng, hoàn cảnh neo đơn, bị cáo bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích kiếm lời, tuy nhiên có tính chất nhỏ, lẻ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, không tịch thu tài sản cũng không áp dụng các loại hình phạt bổ sung khác với bị cáo.

[8] Xét về vật chứng là số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng mà cơ quan CSĐT tạm giữ tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng bị cáo nộp tại phiên tòa. Đó là tiền do bán ma túy trái phép cho ông Đ mà có. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước như đề nghị của Kiểm sát viên. Riêng 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar đã được cơ quan CSĐT trả lại cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy là đúng pháp luật.

[9] Xét về hành vi tàng trữ trái phép ma túy của ông Trần Ngọc Đ được cơ quan công an huyện Nam Giang có quyết định xử phạt hành chính, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý thêm.

[10] Xét về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận và bị cáo có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là UBTVQH), Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Thị Đ như phát biểu đề nghị của người bào chữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Đ phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 14 tháng 9 năm 2017.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 2 Điều 106 của BLTTHS tịch thu số tiền do phạm tội bán ma túy trái phép mà có là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

(Số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đang tạm giữ được VKSND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam chuyển giao đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tại biên bản lập ngày 04/01/2018 và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng bị cáo nộp tại phiên tòa)

3. Án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, bị cáo Đặng Thị Đ không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp Quảng Nam (Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Xuân Tri